

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ B
TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 42 /2017/DS – ST

Ngày: **10/8/2017**

V/v “Tranh chấp tiền hụi”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B, TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm, gồm có :

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Văn Thị Hiền

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Văn Công.

2. Bà Nguyễn Thị T

Thư ký phiên tòa: Bà Vương Thị Thùy Trang– Thư ký Toà án nhân dân thành phố B.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Hải- Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố B, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 38/2017/TLST-DS ngày 20-3-2017 về “Tranh chấp tiền hụi” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 53/2017/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 7 năm 2017, Quyết định hoãn phiên tòa số **45**/2017/QĐST –DS ngày 24/7/2017 giữa các đương sự:

+ ***Nguyên đơn:*** Bà Trần Thị Hồng D - sinh năm 1974(có mặt)

Địa chỉ: Số 1844/10/4/4 đường I, phường O, thành phố R, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

+ ***Bị đơn:*** Bà Nguyễn Thị T - sinh năm 1967(vắng mặt).

Địa chỉ: Số 3727B quốc lộ X, tổ 3, khu phố 5, phường P, thành phố B, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

+ ***Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*** Ông Phạm Đình M - sinh năm 1966(có mặt).

Địa chỉ: Số 3727B quốc lộ X, tổ 3, khu phố 5, phường P, thành phố B, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

NỘI D V U ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 07-3-2017, quá trình hòa giải và tại phiên tòa, nguyên đơn trình bày:

Do là bạn hàng mua bán với nhau nên bà Nguyễn Thị T có tham gia chơi 09 phần hụi của 09 dây hụi do bà Trần Thị Hồng D làm chủ hụi, cụ thể như sau:

Ngày 09/7/2015 bà T có tham gia chơi 03 dây hụi, 03 dây hụi này khai cùng ngày (09/7/2017), mỗi dây bà T chơi 01 phần, 01 phần mỗi tháng đóng 2.000.000đ, mỗi dây có 15 người chơi, tên hụi viên là “Chị T”. Bà T đã bỏ thăm hốt đầu 03 phần được 69.000.000đ. Bà T đóng hụi chết cho bà D được 13 tháng là 78.000.000đ, đến 19/9/2016 âm lịch thì bà T không đóng nữa.

Ngày 09/8/2015 , bà T có tham gia chơi 01 dây hụi, bà T chơi 01 phần, 01 phần mỗi tháng đóng 2.000.000đ, có 17 người chơi, tên hụi viên là “Chị T”. Bà T đã bỏ thăm hốt đầu được 23.500.000đ, phần này bà T đóng hụi chết cho bà D được 0 tháng là 24.000.000đ. Đến ngày 19/9/2016 âm lịch thì bà T không đóng nữa.

Ngày 25/11/2015 , bà T có tham gia 01 phần hụi trong dây hụi khai ngày 25/11/2015, mỗi tháng đóng 2.000.000đ, có 0 người chơi, tên hụi viên là “Chị T”. Phần này bà T đã bỏ thăm và hốt đầu được 16.500.000. Bà T đã đóng lại hụi chết được 09 tháng là 18.000.000đ . Đến ngày 19/9/2016 âm lịch thì bà T không đóng nữa.

Ngày 19/7/2016 , bà T có tham gia chơi 03 dây hụi, 03 dây hụi này khai cùng ngày(19/7/2016), mỗi dây bà T chơi 01 phần, 01 phần mỗi tháng đóng 2.000.000đ, mỗi dây có 17 người chơi, tên hụi viên là “chị T”. Bà T đã bỏ thăm hốt đầu 03 phần được 73.500.000(Bảy mươi ba triệu năm trăm nghìn đồng). Bà T đóng hụi chết cho bà D được 01 tháng là 6.000.000đ, đến 19/9/2016 thì bà T không đóng nữa.

Các dây hụi trên đều là dạng hụi thảo, theo đó hụi viên nào trong từng tháng là người trả lãi cao nhất thì được hốt hụi trước, bà T đã bỏ thăm và hốt đầu toàn bộ.

Tại biên bản xác minh ngày 19/04/2017 :

Ông Lê Duy C- Cảnh sát khu vực cung cấp: Bà Nguyễn Thị T có chồng là ông Phạm Đình M có đăng ký hộ khẩu thường trú tại số 3727B, Quốc lộ X, tổ 3, khu phố 5, phường P, thành phố B và hiện bà T vẫn đang sinh sống tại địa phương

Kể từ khi thụ lý vụ án Tòa án đã nhiều lần triệu tập bà T đến để làm việc, nhưng bà T đều vắng mặt không có lý do. Tòa án phải đến tận nhà bà T để lấy lời khai nhưng đều không gặp bà T.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Đình M trình bày: Ông là chồng của bà T). ông M chỉ mới từ Đắc Nông về khoảng 03-04 tháng nay, các con của ông có gọi điện thoại cho ông bảo ông về giữ nhà cho bà T đi chữa bệnh, khi ông về thì bà T đã đi rồi, ông không biết bà T bị bệnh gì và cũng không biết bà T chữa bệnh ở đâu vì từ đó đến nay bà T không gọi điện thoại về cho ông và ông cũng không gọi điện thoại được cho bà T. Về số tiền nợ hụi mà bà D khởi kiện yêu cầu bà T thanh toán ông hoàn toàn không biết gì về số tiền này. Ông đề nghị bà D chờ bà T về giải quyết. Ông không biết và không liên quan gì đến số tiền trên.

Ông T xác định chữ ký và chữ viết trong các giấy nhận tiền hụi mà bà D cung cấp cho Tòa án đúng là chữ ký và chữ viết của bà T.

Tại phiên tòa hôm nay:

Nguyên đơn rút 01 phần yêu cầu khởi kiện số tiền 45.250.000đ. Số tiền còn lại là 56.750.000đ nguyên đơn vẫn tiếp tục yêu cầu giải quyết và tiền lãi phát sinh kể từ tháng 9/2016 đến ngày 10/8/2017.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự có ý kiến như sau:

-Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, thư ký Tòa án và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng và đủ quyền, nghĩa vụ của mình theo Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn bà Nguyễn Thị T vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử là đúng quy định pháp luật.

Vụ án từ khi thụ lý cho đến khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử đã tuân thủ đúng thời hạn xét xử theo quy định.

-Về nội D: Đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của bà D về việc rút 01 phần yêu cầu khởi kiện về nợ hui. Số tiền còn lại bà D yêu cầu là có cơ sở nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà D.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

-Về thủ tục tố tụng:

Đây là vụ án tranh chấp tiền nợ hui: bị đơn đang cư trú thành phố B, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố B theo khoản 3 điều 26 và điểm a khoản 1 điều 35, Điều 36, Điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bà T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần mà vẫn vắng mặt không rõ lý do nên tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà T theo quy định tại Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

-Về nội D:

[1]Lời khai của đại diện nguyên đơn về quá trình tham gia chơi hui, về số tiền hui đã đóng, số tiền hui đã hốt, số tiền hui chưa hốt là phù hợp với chứng cứ do nguyên đơn cung cấp gồm: Bản chính giấy hui viết tay ngày 9/8/2015; Bản chính giấy hui viết tay ngày 19/7/2016 ; Bản chính giấy hui viết tay ngày 25/11/2015; 01 bản chính giấy nhận tiền hui ngày 19/7/2016; 01 bản chính giấy nhận tiền hui ngày 9/9/2015; 01bản chính giấy nhận tiền hui ngày 09/7/2015; 01bản chính giấy nhận tiền hui ngày 25/11/2016; 01 bản phô tô giấy hui ngày 09/7/2015. Do vậy, Hội đồng xét xử có căn cứ để kết luận: bà Nguyễn Thị T có tham gia chơi hui trong các dây hui do bà Trần Thị Hồng D làm chủ hui là sự thật. Cụ thể như sau:

[2] Tại bản chính giấy nhận tiền hui ngày 09/7/2015 và bản phô tô giấy hui ngày 09/7/2015 thể hiện: Bà T có tham gia 03 phần hui thảo 2.000.000/tháng trong 03 dây hui khai ngày 09/7/2015 âm lịch, mỗi dây có 15 người chơi. Bà T đã bỏ

thăm hốt đầu 03 phần được 69.000.000đ, bà T đã nhận đủ tiền, có ký và ghi rõ họ tên vào bản chính giấy hui ngày 09/7/2015. Bà T đóng hui chết cho bà D được 13 tháng là 78.000.000đ.

[3]Tại bản chính giấy nhận hui ngày 09/9/2015 âm lịch và bản chính giấy hui ngày 09/8/2015 âm lịch thể hiện: Bà T tham gia 01 phần hui thảo 2.000.000/tháng trong 01 dây hui khui ngày 09/8/2015 âm lịch, có 17 người chơi. Bà T đã bỏ thăm hốt đầu 01 phần được 23.750.000đ, bà T đã nhận đủ tiền, có ký và ghi rõ họ tên vào bản chính giấy nhận tiền hui ngày 09/8/2015 âm lịch. Bà T đã đóng hui chết cho bà D được 0 tháng là 24.000.000đ.

[4]Tại bản chính giấy nhận hui ngày 25/11/2015 âm lịch và bản chính giấy hui ngày 25/11/2015 âm lịch thể hiện: Bà T tham gia 02 phần hui thảo 2.000.000/tháng trong dây hui khui ngày 25/11/2016 âm lịch, có 0 người chơi. Bà T đã bỏ thăm hốt đầu được 16.500.000đ, bà T đã nhận đủ tiền, có ký và ghi rõ họ tên vào bản chính giấy hui ngày 25/11/2015. Bà T đã đóng hui chết cho bà D được 09 tháng là 18.000.000đ.

[5]Tại bản chính giấy nhận hui ngày 19/7/2016 âm lịch và bản chính giấy hui ngày 19/7/2016 thể hiện: Bà T tham gia 03 phần hui thảo 2.000.000/tháng trong 03 dây hui khui ngày 19/7/2015 âm lịch, mỗi dây có 17 người chơi. Bà T đã bỏ thăm hốt đầu 03 phần được 73.500.000đ, bà T đã nhận đủ tiền có ký và ghi rõ họ tên vào bản chính giấy hui ngày 19/7/2015 âm lịch. Bà T đóng hui chết cho bà D được 01 tháng là 6.000.000đ.

[6]Như vậy, theo lời khai của bà D và các chứng cứ kèm theo thì tổng số tiền hui bà T đã hốt của các dây hui là 182.750.000đ. Tổng số tiền hui bà T đã đóng hui chết cho bà D là 06.000.000đ. Vậy bà T còn nợ bà D là $182.750.000 - 06.000.000 = 56.750.000đ$

[7]Cả nguyên đơn và bị đơn đều không cung cấp được cho Tòa án tài liệu chứng cứ gì thể hiện việc bà T đã đóng hui chết cho bà D được bao nhiêu tiền của tất cả các dây hui. Chỉ có lời khai của bà D xác nhận số tiền bà T đã đóng hui chết cho bà D tổng cộng là 06.000.000đ.

[8]Tại đơn khởi kiện và quá trình làm việc tại Tòa án bà D yêu cầu bà T thanh toán số tiền là 102.000.000đ. Tuy nhiên tại phiên tòa, bà D đồng ý chỉ yêu cầu bà T thanh toán số tiền là 56.750.000đ và tiền lãi phát sinh theo luật định. Bà D rút lại yêu cầu đối với số tiền 45.250.000đ. Vì thế cần ghi nhận sự tự nguyện rút 01 phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đình chỉ giải quyết 01 phần yêu cầu khởi kiện của bà D đối với số tiền 45.250.000đ. Số tiền còn lại là 56.750.000đ và tiền lãi phát sinh kể từ tháng 19/9/2016 đến ngày 10/8/2017 là $56.750.000đ \times 1,6\% \text{ tháng} \times 11 \text{ tháng} 21 \text{ ngày} = 10.663.000đ$ có căn cứ nên được hội đồng xét xử chấp nhận. Như vậy tổng số tiền bà T phải thanh toán cho bà D là 67.413.000đ

[9] Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông M chồng bà T cho rằng ông không hề biết gì về số tiền nợ hui này của bà T vì từ năm 2011 ông đi làm tại huyện Đắc Nông, ông chỉ mới về lại nhà được khoảng 03-04 tháng nay. Hiện nay ông không biết bà T đang ở đâu. Ông chỉ nghe các con nói lại là bà T đi chữa bệnh.

Ngoài ra ông cũng không biết bà T bệnh gì và chữa bệnh tại đâu vì bà T không liên lạc về nhà. Ông không biết về việc bà T chơi hụi của bà D, ông không biết bà T chơi hụi nhằm mục đích gì và ông không hề biết đến số tiền này. Bà T không nói gì với ông về việc này. Lời trình bày của ông M là có cơ sở vì trong toàn bộ giấy hụi cũng như giấy nhận tiền hụi chỉ có tên và chữ ký của bà T chứ không có tên và chữ ký của ông M. Bà D cũng xác nhận chỉ có mình bà T tham gia hụi và việc giao nhận tiền hụi cũng chỉ có mình bà T ký nhận. Vì thế bà cũng đồng ý yêu cầu cá nhân bà T có trách nhiệm thanh toán cho bà số tiền nợ hụi mà không yêu cầu ông M cùng có trách nhiệm thanh toán

[10] Kể từ khi thụ lý vụ án Tòa án đã nhiều lần triệu tập cũng như gửi thông báo hòa giải cho bà T đến để làm việc, tuy nhiên bà T đều vắng mặt không có lý do. Điều này chứng tỏ bà T không có thiện chí hòa giải và bà T đã tự từ bỏ các quyền của mình được hưởng tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Để bảo đảm quyền, lợi ích cho bị đơn, Tòa án cũng đã niêm yết hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa cho bị đơn nhưng đến phiên tòa hôm nay bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do.

Từ những nhận định nêu trên, xét thấy yêu cầu của nguyên đơn chưa có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận

Về án phí:

- Bà Nguyễn Thị T phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền nợ hụi phải thanh toán theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào: Khoản 3 điều 26 và điểm a khoản 1 điều 35, Điều 36, Điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, 228, 217, 218 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Các Điều 471, 468, 688 Bộ luật dân sự 2015; Nghị Định 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006

- Điều 5, điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án; Khoản 2 Điều 26 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/0/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ 01 phần yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Hồng D đối với số tiền 45.250.000đ (Bốn mươi lăm triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng).

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Hồng D đối với số tiền 56.750.000đ (năm mươi sáu triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng) và tiền lãi phát sinh từ ngày 19/9/2016 đến ngày 10/8/2017 .

Buộc bà Nguyễn Thị T phải thanh toán cho bà Trần Thị Hồng D số tiền nợ hụi là 56.750.000đ (Năm mươi sáu triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng) và tiền lãi phát sinh từ ngày 19/9/2016 đến 10/8/2017 là 10.663.000đ (Mười triệu sáu trăm sáu mươi ba nghìn đồng). Tổng cộng là 67.413.000 (Sáu mươi bảy triệu bốn trăm mười ba nghìn đồng)

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, người phải thi hành án phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền chưa thi hành án và thời gian chưa thi hành án tại thời điểm thanh toán.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị T phải nộp 3.370.650đ (Ba triệu ba trăm bảy mươi nghìn sáu trăm năm mươi đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho bà Trần Thị Hồng D **số tiền** 3.050.000đ (Ba triệu không trăm năm mươi nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003342 ngày 17/3/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có quyền kháng cáo yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử phúc thẩm. Đương sự vắng mặt thời hạn kháng cáo 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND thành phố B;
- Chi cục THA DS thành phố B;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã Ký)

Văn Thị Hiền

